THÙNG XE TẢI ĐÔNG LẠNH

REFRIGERATED TRUCK BODY

ISUZU **FRR90LE4**
FRR90NE4

www.tuv.com ID:9105064615 TÜVRheinland • ISO 9001

www.quyenauto.com

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

THÔNG TIN CHUNG / GENERAL	ĐVT / *UNIT*	FRR90LE4	FRR90LE4	FRR90NE4	FRR90NE4
Loại xe / *Vehicle type*		Ô tô tải (đông lạnh) *Refrigerated Truck*	Ô tô tải (đông lạnh) *Refrigerated Truck*	Ô tô tải (đông lạnh) *Refrigerated Truck*	Ô tô tải (đông lạnh) *Refrigerated Truck*
Nhãn hiệu / *Mark, model code*		ISUZU FRR90LE4-QUYEN AUTO.DLAS/R	ISUZU FRR90LE4-QUYEN AUTO.DL	ISUZU FRR90NE4-QUYEN AUTO.DLAS/R	ISUZU FRR90NE4-QUYEN AUTO.DLAS1
Công thức bánh xe / *Wheel formular*		4 x 2	4 x 2	4 x 2	4 x 2
Thông số về kích thước / *Dimensions*					
Kích thước tổng thể (D x R x C) *Overall (L x W x H)*	mm	**7760 x 2300 x 3380**	**7760 x 2300 x 3380**	**8670 x 2300 x 3380**	**8670 x 2300 x 3380**
Kích thước bao thùng hàng (D x R x C) *Body's external dimension (L x W x H)*	mm	**5900 x 2300 x 2280**	**5900 x 2300 x 2280**	**6700 x 2300 x 2280**	**6700 x 2300 x 2280**
Kích thước trong thùng hàng (D x R x C) *Body's internal dimension (L x W x H)*	mm	**5670 x 2120 x 2065**	**5670 x 2120 x 2065**	**6470 x 2120 x 2065**	**6470 x 2120 x 2065**
Chiều dài cơ sở / *Wheel base*	mm	4360	4360	4990	4990
Vệt bánh xe (Trước / Sau) *Wheel track (Front/ Rear)*	mm	1795 / 1660	1795 / 1660	1795 / 1660	1795 / 1660
Chiều dài đầu xe / đuôi xe *Overhang (Front/ Rear)*	mm	1150 / 2250	1150 / 2250	1150 / 2530	1150 / 2530
Khoảng sáng gầm xe *Ground Clearance*	mm	210	210	210	210
Chiều rộng cabin / *Cabin width*	mm	2280	2280	2280	2280
Thông số về khối lượng / *Weight*					
Khối lượng bản thân / *Curb weight*	Kg	**4805**	**4905**	**4955**	**5105**
Khối lượng chuyên chở theo thiết kế *Payload*	Kg	**6000**	**5900**	**5850**	**5700**
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế *Max gross vehicle weight*	Kg	**11000**	**11000**	**11000**	**11000**
Khối lượng phân bố lên trục trước / sau *Dispose on front axle / rear axle*	Kg	3600 / 7400	3600 / 7400	3600 / 7400	3600 / 7400
Số người cho phép chở kể cả lái xe *Seating capacity including driver*		3	3	3	3
Bánh xe và lốp / *Wheels and tyres*					
+ Trục 1 (Bánh đơn) *+First axle (quantity:2)*		8.25 - 16	8.25 - 16	8.25 - 16	8.25 - 16
+ Trục 2 (Bánh kép) *+Second axle (quantity:4)*		8.25 - 16	8.25 - 16	8.25 - 16	8.25 - 16
Thiết bị điện / *Electric equipment*					
Áp định mức: 24V *Out put: 24V*		Ắc quy / *Batteries*: 12V - 65Ah - 2 bình	Ắc quy / *Batteries*: 12V - 65Ah - 2 bình	Ắc quy / *Batteries*: 12V - 65Ah - 2 bình	Ắc quy / *Batteries*: 12V - 65Ah - 2 bình
Máy phát: xoay chiều *Alternator:*		Khởi động / Starter: 24V - 4,5kW	Khởi động / Starter: 24V - 4,5kW	Khởi động / Starter: 24V - 4,5kW	Khởi động / Starter: 24V - 4,5kW
Thiết bị chuyên dùng / *Special equipment*		Thermal Master *T-3000 (5459W)*	Vách ngăn di động/Giàn treo thịt *Mobile partition wall/Meat hanging rails*	Thermal Master *T-3500 (6800W)*	Hệ thống cấp dưỡng khí (Máy Oxy) *Roots blower systems*

Lưu ý / *Note*: Các thông số kỹ thuật trên có thể thay đổi mà không cần báo trước / *Product specifications can be changed at any time without previous notice.*

CẤU TẠO CÁC LỚP PANEL / *STRUCTURE OF SANDWICH PANEL*

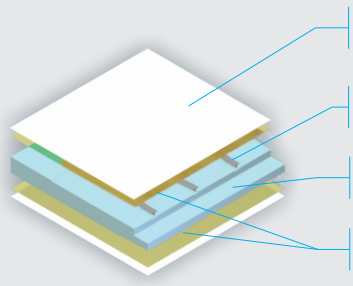

Lớp da mặt trong, ngoài GRP Châu âu
Internal and external skin panel European GRP

Nhôm T gia cường
Reinforced aluminium T

Lớp cách nhiệt XPS Foam
Insulation core - XPS Foam

Keo liên kết
Adhesive (Henkel)

Độ Dày / Thickness Panel (mm)	Sàn phẳng / Flat floor 6.2T	Sàn sóng / corrugated 6.2T	Sàn phẳng / Flat floor 8T > 24T	Sàn sóng / corrugated 8T > 24T
Panel sàn / *Floor panel*	100	110	130	140
Panel vách đầu *Front wall panel*	85	85	110	110
Panel vách 2 hông *Two side wall panels*	80	80	80	80
Panel nóc / *Roof panel*	105	105	105	105
Panel 2 cửa sau *Rear door panels*	80	80	80	80

CÔNG TY TNHH SX-TM-DV Ô TÔ QUYỀN

* **ĐỊA CHỈ:** số 550, ấp 4, xã Tân Bửu, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam.
* **Tel:** (0272) 3769 020 - (0272) 3769 022
* **Fax:** (0272) 3769 023
* **Phòng kinh doanh:**
Hotline: 090.810.9929 - 090.393.0444
Email: kd01@quyenauto.com
* **Tư vấn kỹ thuật:**
Hotline: 090.800.9030 - 093.890.9317
Email: technical@quyenauto.com